

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ CÚ
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 25-7-2018

*“V/v tranh chấp ly hôn
và nuôi con”*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ CÚ, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Duyên

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Anh Đào

Bà Ngô Thị Oanh Kiều

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Tài - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Đoàn Tố Quyên – Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Cú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 96/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2018 về “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Kim Thị L**, sinh năm 1977. Địa chỉ: ấp C, xã Đ, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh **Trương Văn T**, sinh năm 1977. Địa chỉ: ấp C, xã Đ, huyện T, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 27/02/2018, nguyên đơn Kim Thị L trình bày: Năm 2004 chị L và anh T có tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân với nhau nhưng không có đăng ký kết hôn, vợ chồng chung sống tại ấp C, xã Đ. Thời gian đầu cuộc sống có hạnh phúc, luôn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp nên thường xuyên cự cãi với nhau, anh T thì thường hay nhậu nhẹt, say xỉn về rồi kiểm chuyện xúc phạm chị nên từ đó mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên vợ chồng quyết định sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay, từ lúc ly thân hai bên không bên nào tạo

điều kiện hàn gắn. Đến nay nhận thấy giữa vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn đến mức không thể tiếp tục sống chung nên chị L yêu cầu tòa án giải quyết cho ly hôn với anh T. Quá trình chung sống có một người con tên là Trương Thị Thu Th, sinh ngày 23/5/2005, chị L yêu cầu được quyền nuôi dưỡng, không yêu cầu cấp dưỡng, về tài sản chung và nợ chung chị L trình bày không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 27/3/2018 đối với bà Tạ Thị Gòn là mẹ ruột của anh Trương Văn T, bà Gòn xác nhận chị L và anh T quen biết nhau rồi sống chung chứ không có tổ chức đám cưới và cũng không có đăng ký kết hôn. Đầu tiên thì cuộc sống vợ chồng có hạnh phúc, sau này do đi làm thuê ở xa nên xảy ra lục đục, mâu thuẫn nên mỗi người đi làm một nơi và sống ly thân đến nay đã 2 đến 3 năm.

Tại buổi tiếp xúc ngày 17/4/2018 với cháu Trương Thị Thu Th là con ruột của chị L và anh T thì cháu Th có ý kiến nếu cha mẹ ly hôn thì nguyện vọng của cháu là muốn được sống với chị L.

Tại phiên tòa chị Kim Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Trương Văn T được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú tại phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận, tuy nhiên do chị L và anh T không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận chị L và anh T là vợ chồng. Về con chung, căn cứ nguyện vọng của cháu Th là muốn được sống với chị L nên đề nghị chấp nhận yêu cầu, giao cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng cháu Th, chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nên không xem xét. Tài sản chung và nợ chung không có nên không xem xét. Về án phí, đề nghị miễn án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm cho chị L do thuộc diện hộ nghèo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Xác định đây là vụ kiện tranh chấp về ly hôn và nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn cư trú tại xã Đ, huyện T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trà Cú theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do chính đáng. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện: Chị Kim Thị L và anh Trương Văn T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2004 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống do bất đồng quan điểm, hai người thường xuyên xảy ra mâu thuẫn dẫn đến ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không

còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh T. Hội đồng xét xử xét thấy chị L và anh T sống ly thân đã lâu, từ khi thụ lý vụ án đến nay chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn, chứng tỏ mối quan hệ giữa hai người đã mâu thuẫn đến mức trầm trọng nên việc đoàn tụ là không thể, do đó yêu cầu xin ly hôn của chị L là có căn cứ. Tuy nhiên hai người có đủ điều kiện kết hôn theo quy định nhưng lại không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 53 và khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận mối quan hệ giữa chị Kim Thị L và anh Trương Văn T là vợ chồng.

[4] Về quan hệ con chung: Xét thấy nguyện vọng của cháu Trương Thị Thu Th là muốn được ở với chị L, do đó Hội đồng xét xử tôn trọng quyết định của cháu và giao cho chị L tiếp tục được nuôi dưỡng cháu Th. Chị L tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị L xác nhận vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Chị L được miễn án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm do thuộc diện hộ nghèo theo quy định tại Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 238, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Khoản 1 Điều 14, các Điều 15, 53, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình;
- Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không công nhận chị Kim Thị L và anh Trương Văn T là vợ chồng.
2. Về con chung: Giao cháu Trương Thị Thu Th, sinh ngày 23/5/2005 cho chị Kim Thị L nuôi dưỡng. Chị L tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Anh T không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung mà không ai được quyền ngăn cản, đồng thời có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được chung sống với chị L. Vì lợi ích của con, đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng sau khi ly hôn.
3. Về án phí: Chị L được miễn án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Chị L và anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Trà Cú;
- UBND xã Đ;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Duyên